

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Ban hành "Quy định nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt"

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy định nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt"**.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-BGTVT

ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 3. Nội dung sát hạch

Chủ tịch Hội đồng sát hạch có trách nhiệm xây dựng, ký duyệt và bảo mật đề sát hạch cho các nội dung sát hạch, bao gồm:

1. Sát hạch lý thuyết.
2. Sát hạch thực hành, bao gồm:
 - a) Thực hành khám máy (đầu máy, toa xe động lực, phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt);
 - b) Thực hành lái tàu.

Chương II

SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Điều 4. Nội dung sát hạch lý thuyết

1. Phần kiến thức chung: các nội dung cơ bản về Quy phạm kỹ thuật khai thác đường sắt, Quy trình chạy tàu và công tác đồn đường sắt, Quy trình tín hiệu đường sắt, Quy trình tác nghiệp của ban lái tàu; Công lệnh, biệt lệ, chỉ thị chạy tàu và các văn bản quy định hiện hành có liên quan khác.
2. Phần kiến thức chuyên môn: các nội dung cơ bản về động cơ, bộ phận hãm, bộ phận chạy, hệ thống điện, hệ thống truyền động, hệ thống an toàn.

Điều 5. Hình thức sát hạch lý thuyết

Sát hạch lý thuyết thực hiện theo một trong hai hình thức sau đây:

1. Thi tự luận.
2. Thi trắc nghiệm.

Điều 6. Bài thi tự luận

1. Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian chép đề).
2. Số lượng câu hỏi:
 - a) Phần kiến thức chung: 4 câu;
 - b) Phần kiến thức chuyên môn: 2 câu.
3. Thang điểm: điểm tối đa là 10 điểm và được quy định như sau:
 - a) Mỗi một câu hỏi phần kiến thức chung được tối đa 1,5 điểm;
 - b) Mỗi câu hỏi về phần kiến thức chuyên môn được tối đa 2 điểm.
4. Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi được tối thiểu 6 điểm, trong đó:
 - a) Không câu trả lời nào bị chấm dưới 1/2 điểm số theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b) Không vi phạm các lỗi bị đình chỉ sát hạch.

Điều 7. Bài thi trắc nghiệm

1. Thời gian làm bài: 60 phút.
2. Số lượng câu hỏi:
 - a) Phần kiến thức chung: 30 câu;
 - b) Phần kiến thức chuyên môn: 15 câu.
3. Thang điểm: điểm tối đa là 45 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm.
4. Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi được tối thiểu 40 điểm, trong đó:
 - a) Phần kiến thức chung đạt tối thiểu 27 điểm;
 - b) Phần kiến thức chuyên môn đạt tối thiểu 13 điểm;
 - c) Không vi phạm các lỗi bị đình chỉ sát hạch.

Điều 8. Trừ điểm khi vi phạm trong sát hạch lý thuyết

1. Thí sinh vi phạm quy chế của kỳ sát hạch sẽ bị lập biên bản.
2. Thí sinh bị lập biên bản 01 lần sẽ bị trừ điểm như sau:
 - a) Trừ 30% tổng số điểm của bài làm nếu thi tự luận;
 - b) Trừ 10% tổng số điểm của bài làm nếu thi trắc nghiệm.

Chương III

SÁT HẠCH THỰC HÀNH KHÁM MÁY

Điều 9. Phương tiện dùng để sát hạch thực hành khám máy

Phương tiện dùng để sát hạch thực hành khám máy phải có tình trạng kỹ thuật tốt, bảo đảm các tiêu chuẩn vận dụng.

Điều 10. Nội dung sát hạch thực hành khám máy

1. Tổ sát hạch tạo ra sự cố kỹ thuật (đánh "pan") ở các bộ phận của phương tiện theo nội dung của đề thi, bao gồm:

- a) Đánh 3 pan ở bộ phận chạy, động cơ (hoặc hãm), điện ở trạng thái nguội;
- b) Đánh 2 pan ở bộ phận hãm (hoặc động cơ), điện ở trạng thái nóng.

2. Trong thời gian khám máy quy định tại đề thi, thí sinh phải kiểm tra, phát hiện và xử lý các pan theo nội dung yêu cầu.

Điều 11. Điểm thực hành khám máy

Điểm thực hành khám máy tối đa là 100 điểm và được quy định như sau:

- 1. Đảm bảo đúng thời gian và kỹ thuật khám: tối đa 50 điểm.
- 2. Mỗi pan được phát hiện và xử lý đúng: tối đa 10 điểm.

Điều 12. Trừ điểm khi vi phạm trong thực hành khám máy

Thí sinh bị trừ điểm trong các trường hợp sau đây:

- 1. Quá thời gian quy định trong vòng 20 phút: mỗi phút trừ 2 điểm;
- 2. Không làm đủ thủ tục khám máy theo quy định: trừ 5 điểm;
- 3. Để xảy ra tai nạn lao động ở mức độ nhẹ: trừ 5 điểm;
- 4. Khám sai trình tự, sai tư thế: mỗi lần vi phạm trừ 1 điểm;
- 5. Khám sót chi tiết hoặc bộ phận: mỗi chi tiết hoặc bộ phận khám sót trừ 1 điểm;
- 6. Làm hư hỏng chi tiết chưa đến mức phải thay thế: mỗi chi tiết bị làm hư hỏng trừ 5 điểm.

Điều 13. Điều kiện để công nhận thực hành khám máy đạt yêu cầu

Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi được tối thiểu 60 điểm, trong đó:

- 1. Phát hiện và xử lý đúng ít nhất 3 pan, trong đó có ít nhất 1 pan nóng;
- 2. Không vi phạm các lỗi bị đình chỉ sát hạch.

Điều 14. Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành khám máy

Kết quả sát hạch thực hành khám máy được thể hiện trên Phiếu đánh giá kết quả thực hành khám máy.

Mẫu Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành khám máy được quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này.

Chương IV

SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI TÀU

Điều 15. Phương tiện dùng để sát hạch thực hành lái tàu

1. Phương tiện dùng để sát hạch lái tàu:

- a) Đối với các loại đầu máy, toa xe động lực: phải kéo đoàn xe khách hoặc đoàn xe hàng;
- b) Đối với phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt: nếu có toa xe hoặc xe rơ moóc thì phải kéo theo cả toa xe hoặc xe rơ moóc đó.

2. Phương tiện dùng để sát hạch lái tàu phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về điều kiện lưu hành, điều kiện kỹ thuật và quy định về trang thiết bị hiện hành.

Điều 16. Quãng đường và thời gian sát hạch lái tàu

Thí sinh lái tàu chạy ít nhất 3 khu gian liên tiếp, theo đúng thời gian quy định của biểu đồ chạy tàu, đúng tốc độ quy định trong công lệnh tốc độ và cảnh báo hiện hành, trong đó khu gian đầu là khu gian chạy thử, 2 khu gian sau dùng để đánh giá kết quả thực hành lái tàu.

Điều 17. Nội dung sát hạch thực hành lái tàu

1. Công tác chuẩn bị: thí sinh phải kiểm tra sự đầy đủ của các dụng cụ quy định, các ấn chỉ chạy tàu cần thiết.
2. Chế độ báo cáo, hô đáp: thí sinh phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, hô đáp theo quy định.
3. Kỹ năng dừng tàu: thí sinh phải dừng tàu 2 lần. Vị trí dừng tàu được xác định bằng cách đối chiếu tim ghế ngồi của lái tàu, theo phương vuông góc với tim đường sắt, với mốc chuẩn đã được quy định trong đề sát hạch. Vị trí dừng tàu được xê dịch trong khoảng cho phép như sau: